



VGS®

ISO 9001: 2015

ISO 14001: 2015

THÉP VIỆT - ĐỨC

thepvietduc.com.vn



VGS®

THÉP VIỆT - ĐỨC

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

EUROPEAN STANDARD



Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: QUÝ KHÁCH HÀNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức (VGS) xin gửi tới Quý khách hàng lời chúc sức khỏe, lời chào trân trọng và hợp tác!

Thép Việt Đức được thành lập từ năm 2002 trên diện tích 30 ha tại KCN Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008 cổ phiếu Thép Việt Đức chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch **VGS**.

Công ty Cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức (VGS) là một trong những doanh nghiệp sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam. Ngoài ra Tập đoàn Thép Việt Đức còn bao gồm các Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất Ống thép hàn đen, mạ kẽm, Tôn cuộn cán nguội, ...

Thép Việt Đức đang vận hành 02 nhà máy sản xuất thép chất lượng cao bằng công nghệ của Cộng hòa Liên bang Đức hiện đại và tiên tiến bậc nhất tại Việt Nam, với tổng công suất 700.000 tấn/năm. Sản phẩm Thép Việt Đức bao gồm các chủng loại thép cuộn, thép cuộn rút dây SAE 1008 có đường kính Ø6, Ø8. Thép cây tròn gai có đường kính từ D10 ÷ D51 theo các tiêu chuẩn: TCVN 1651-2018, JIS G3112:2020 (Nhật Bản), ASTM A615.A615M-20 (Mỹ), BS 4449:1997 (Anh)...Hiện nay Công ty chúng tôi đang áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015, ISO 14001:2015.

Thép xây dựng Việt Đức luôn đảm bảo sự ổn định cao về chất lượng sản phẩm và đã được lựa chọn để thi công tại rất nhiều dự án như: Đường vành đai III, Đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông, Nhà ga T2, Samsung Thái Nguyên, Formosa, Các dự án của Vingroup, Cầu Bạch Đằng, Cầu Việt Trì - Ba Vì, Cầu Vĩnh Thịnh, Cầu Việt Trì, Cầu Thái Hà, Đường cao tốc HN - Hải Phòng, Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Cầu Vĩnh Tuy II, Đường Vành đai 2 trên cao, Dự án Cao tốc Bắc Nam, Cải tạo đường băng sân bay Nội Bài...

Để nâng cao chất lượng sản phẩm, hội nhập và cạnh tranh trên thị trường, Thép Việt Đức cam kết sẽ mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt nhất, xứng đáng với tên gọi “**THÉP VIỆT ĐỨC - ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU**”.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Trụ sở: Khu CN Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, VN
VPDD Hà Nội: Tầng 07, Tòa nhà Simco, Số 28 Phạm Hùng, Hà Nội.

Điện thoại: (84)2113.593.596/(84)243.7848.008 Fax: 0211359.3696/0243.7848.006

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Khách hàng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ MINH HẢI

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2500365531

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 03 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 09 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT
THÉP VIỆT ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM GERMANY STEEL MILL
GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VGS GROUP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu CN Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: 0211 3 593 596

Fax: 0211 3 593 696

Email: thepvietduc@vnn.vn

Website: www.thepvietduc.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm lẻ bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.406.500

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ MINH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040064000213

Ngày cấp: 26/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 118 - 120 D1, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà SIMCO, Số nhà 28, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình
1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Thép làm cốt bê tông, loại thép cuộn tròn trơn

Mác thép	Đường kính danh nghĩa (đường kính danh nghĩa của sản phẩm theo yêu cầu tại tiêu chuẩn áp dụng)	Tiêu chuẩn áp dụng
CB240-T	6 mm và 8 mm	TCVN 1651-1:2018

với nhãn hiệu thương mại

VGS

được sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Trụ sở: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 7:2019/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT- BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

0756

Mã số: 0756-23-04/04

Giấy chứng nhận có giá trị:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 18/10/2025



Trần Quốc Dũng



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Thép làm cốt bê tông, loại thép thanh vằn

Mác thép	Đường kính danh nghĩa (đường kính danh nghĩa của sản phẩm theo yêu cầu tại tiêu chuẩn áp dụng)	Tiêu chuẩn áp dụng ⁽¹⁾
CB300-V	Từ 8 mm đến 32 mm	TCVN 1651-2:2018
CB400-V	Từ 10 mm đến 50 mm	
CB500-V	Từ 10 mm đến 50 mm	

với nhãn hiệu thương mại

VGS

được sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Trụ sở: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 7:2019/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT- BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

0756

Mã số:

0756-23-00/05

Giấy chứng nhận có giá trị:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 18/10/2025

Ghi chú:⁽¹⁾ không áp dụng với các chỉ tiêu theo yêu cầu tại Điều 7.3 – Độ bền uốn lại sau khi hóa già và Điều 7.4 – Độ bền mỏi theo yêu cầu tại Tiêu chuẩn công bố áp dụng



Trần Quốc Dũng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Thép làm cốt bê tông, loại thép thanh vằn

Mác thép	Đường kính danh nghĩa (đường kính danh nghĩa của sản phẩm theo yêu cầu tại tiêu chuẩn áp dụng)	Tiêu chuẩn áp dụng
Gr40	Từ 9,5 mm [10] đến 19,1 mm [19]	ASTM A 615/A615M-20

với nhãn hiệu thương mại

VGS

được sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Trụ sở: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 7:2019/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT- BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

0756

Mã số: 0756-23-01/05

Giấy chứng nhận có giá trị:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 18/10/2025





ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Thép làm cốt bê tông, loại thép thanh vằn

Mác thép	Đường kính danh nghĩa (đường kính danh nghĩa của sản phẩm theo yêu cầu tại tiêu chuẩn áp dụng)	Tiêu chuẩn áp dụng
SD295	Từ 9,53 mm (D10) đến 25,4 mm (D25)	JIS G 3112:2020

với nhãn hiệu thương mại

VGS

được sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Trụ sở: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 7:2019/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT- BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

0756

Mã số:

0756-23-02/06

Giấy chứng nhận có giá trị:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 18/10/2025





GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: **HM 259-21**



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT ĐỨC

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 14001:2015

Hệ thống Quản lý Môi trường

cho lĩnh vực:

**Sản xuất và cung cấp các sản phẩm tôn cán nguội,
tôn mạ kẽm, ống thép đen, ống tôn mạ, ống thép mạ kẽm
nhúng nóng và thép xây dựng**

Giấy chứng nhận này có giá trị từ:

30 / 11 / 2021 đến 29 / 11 / 2024

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn



TS. Ngô Tất Thắng



VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Văn phòng: Số 52, ngõ 46, đường Liên Mạc, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.2266.1111 Email: tccl@issq.org.vn

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate No:
10000378806-MSC-JAS-ANZ-VNM

Initial certification date:
03 November 2003

Valid:
07 November 2020 - 07 November 2023

This is to certify that the management system of

Vietnam Germany Steel Joint Stock Corporation

Binh Xuyen Industrial Zone, Dao Duc Commune, Binh Xuyen District, Vinh Phuc
Province, Vietnam

has been found to conform to the Quality Management System standard:
ISO 9001:2015

This certificate is valid for the following scope:

**Manufacture and supply of hot dipped galvanized steel pipes, hot dipped
galvanized cold rolled steel coils and deformed steel bar.**

Place and date:
Singapore, 05 November 2020

JAS-ANZ



For the issuing office:
DNV GL - Business Assurance
16 Science Park Drive, DNV GL
Technology Centre 118227, Singapore

Saravanan Gopal
Management Representative





Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Laboratory:

STEEL MECHANICAL TESTING LABORATORY
VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Địa điểm PTN/ Lab location:

KCN Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

CƠ

Mechanical

Mã số

Accreditation No

VILAS 442



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG QUỐC QUÂN

Ngày/ Date of Issue: 31/01/2023 (Annex of decision: 50.2023/QĐ-VPCNCL date 31/01/2023)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 27/09/2025

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 27/09/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CHƯƠNG TRÌNH BÌNH CHỌN VÀ QUẢNG BÁ
NHÃN HIỆU HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
SẢN PHẨM VÀNG - DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM NĂM 2018



No. 16.../2019

CHỨNG NHẬN

Certificate



VGS®

ISO 9001: 2015

đạt TOP 20

NHÃN HIỆU HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



Ngày 06 tháng 01 năm 2019

HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH



PGS.TS MAI HÀ



Presents This Certificate To

VIETNAM GERMANY STEEL MILL JOINT STOCK COMPANY
VIETNAM

As the Recipient of the

GLOBAL PERFORMANCE EXCELLENCE AWARD 2017

Best in Class Award

Small Manufacturing

Given this 23rd Day Of October, 2017

During the International Quality Conference in OKADA Manila, Philippines

HARNEK SINGH
President, APQO

DR. CHARLES A. AUBREY II
Chairman, APQO/GPEA

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

**Công ty Cổ phần
Sản xuất Thép Việt Đức**

được Thủ tướng Chính phủ tặng

**GIẢI VÀNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
NĂM 2016**

Theo Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**THỦ TRƯỞNG
Trần Việt Thanh**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG

BẢNG KHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT ĐỨC

Tỉnh Vĩnh Phúc

*Đã có thành tích trong công tác từ năm 2012 đến năm 2016,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

*Quyết định số: 1174/QĐ-TTg ngày 11 tháng 08 năm 2017
Vào sổ vàng số 11*

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Certificate

CÔNG TY THÉP VIỆT ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2014

Vietnam Excellent Brand 2014

Được Ban biên tập, độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam tin nhiệm và lựa chọn

Honored and recognized by The Vietnam Economic Times' Editorial Board and readers



Tổng Biên Tập/Editor in Chief



Prof. Dao Nguyen Cat

Hà Nội, 21/3/2015



Giải thưởng

SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2013

VIETNAM GOLD STAR 2013



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG

HẠNG NHÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT - ĐỨC

Tỉnh Vĩnh Phúc

*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 2484/QĐ-CTN ngày 01 tháng 10 năm 2014

Vào sổ vàng số: 2

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2014

CHỦ TỊCH



Trương Tấn Sang



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12022021 /TVTL-TVGS

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

V/v chấp thuận nguồn vật liệu thép tròn thi
công cầu Vân Tiên gói thầu số 11 thuộc dự
án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên

Kính gửi: Liên danh Trung Chính - 479 Hòa Bình - Thái Yên - Trường Sơn

*Căn cứ Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định
chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình
xây dựng;*

*Căn cứ Hợp đồng số 02/2021/HĐ-TVGS ngày 09/02/2021 giữa Ban quản lý dự
án các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh và Liên danh Công ty cổ phần tư vấn
xây dựng công trình Thăng Long - Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải -
CTCP - Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông Miền Bắc;*

Căn cứ Chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;

Căn cứ Tờ trình số 30.1/BĐHDA-VT ngày 10/02/2021 của Công ty TNHH
thương mại và xây dựng Trung Chính về việc chấp thuận nguồn vật liệu thép dùng
cho hạng mục cầu Vân Tiên gói thầu số 11;

Căn cứ hồ sơ năng lực nhà sản xuất, nhà cung cấp, các kết quả thí nghiệm nguồn
tại phòng Las-Xd 72 và Las-Xd 1422,

Sau khi xem xét, Tư vấn giám sát có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận nguồn vật liệu thép: Công ty cổ phần thép Việt - Ý, Địa chỉ:
KCN Phối Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; Công ty cổ phần
sản xuất thép Việt Đức, Địa chỉ: khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên,
tỉnh Vĩnh Phúc. Nhà cung cấp: Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Lam Giang,
Địa chỉ: Làng Việt Kiều Châu Âu, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận
Hà Đông, Hà Nội được sử dụng cho công tác thi công cầu Vân Tiên gói thầu số 11
thuộc dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên;

2. Khi đưa vào công trường cần phải được thí nghiệm tần suất đảm bảo các yêu
cầu theo chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư (để b/c);
- Lưu VPTVGS.

VĂN PHÒNG TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TRÌNH THĂNG LONG



Phan Thanh Hải



Joint Venture of Oriental Consultants Global Co., Ltd. (OCG) and Oriental Consultants Co., Ltd. (OC), Katahira & Engineers International (KEI), Transport Engineering Design Inc. (TEDI) in association with Asia Pacific Engineering Consultants (APECO)

HANOI CITY RING ROAD NO.3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DICH – SOUTH THANG LONG SECTION

4F., Truong Thinh Bldg., Trang An Complex, No.1 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam
Tel: (84-24) 3 200-9413 Fax: (84-24) 3 200-7713

Ngày 19 tháng 04 năm 2018
Số HCRR/RE1-0038-10.02

Đại diện được ủy quyền,
Liên danh SMCC-CIENCO4,
Tầng 2, Tòa nhà OCT 3A, Khu đô thị Cổ Nhuế,
Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Thưa ông Tamihiko KITAYAMA,

V/v: Dự án Xây dựng Đường vành đai 3 Hà Nội, Mai Dịch – Nam Thăng Long
Gói thầu 1: Xây dựng Đoạn Mai Dịch - Cổ Nhuế

Kết quả thí nghiệm vật liệu thép Việt Đức (VGS)

Tham chiếu: 1. SMC4-MA-0040/18 ngày 23/03/2018
2. EGN/PK1-0168-10.02 ngày 01/02/2018
3. SMC4-MA-0020/18 ngày 25/01/2018
4. SMC4-MA-0009/18 ngày 05/01/2018
5. Điều S10.02 Yêu cầu Tiêu chuẩn Kỹ thuật

Trả lời thư của Nhà thầu SMC4-MA-0040/18 ngày 23/03/2018. Sau khi xem xét các thư trên và yêu cầu kỹ thuật của dự án khoản S10.02 (3) cốt thép và ghép nối cốt thép-vật liệu, chúng tôi chấp thuận đề xuất của Nhà thầu về việc sử dụng cốt thép cho dự án, thông tin cụ thể như sau:

- **Nhà sản xuất:**
 - Tên công ty: Công ty cổ phần sản xuất thép Việt Đức
 - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- **Nhà cung cấp:**
 - Tên công ty: Công Ty cổ phần tập đoàn VPA
 - Địa chỉ: NV 02-03, số 173 đường Xuân thủy, phường Dịch vọng hậu, quận Cầu giấy, TP Hà Nội.

Yêu cầu Nhà thầu:

- Xuất trình đầy đủ giấy tờ liên quan khi vật liệu chở đến công trường.
- Lấy mẫu thí nghiệm tần xuất theo quy định.

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Nhà thầu.

Kính thư,

(đã ký)

Noboru MAKI

Kỹ sư Thường trú

Đính kèm: Tham chiếu 1 SMC4-MA-0040/18 ngày 23/03/2018

c.c. Ông Dương Viết Roãn, Giám đốc, Ban QLDA Thăng Long
Ông Norihide KANO, Kỹ sư



Joint Venture of Oriental Consultants Global Co., Ltd. (OCG) and Oriental Consultants Co., Ltd. (OC), Katahira & Engineers International (KEI), Transport Engineering Design Inc. (TEDI) in association with Asia Pacific Engineering Consultants (APECO)

HANOI CITY RING ROAD NO.3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DICH – SOUTH THANG LONG SECTION

4F., Truong Thinh Bldg., Trang An Complex, No.1 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam
Tel: (84-24) 3 200-9413 Fax: (84-24) 3 200-7713

April 13, 2018

Ref. No.HCRR/RE1-0038-10.02

Authorized Representative,
SMCC – CIENCO4 Joint Venture,
2nd Floor, OCT 3A Building, Co Nhue Urban Area,
Xuan Dinh Ward, North Tu Liem, District, Hanoi, Vietnam

Dear Mr. Tamihiko KITAYAMA,

**Subject : Hanoi City Ring Road No.3 Construction Project,
Mai Dich – South Thang Long Section
Package 1: Construction of Mai Dich - Co Nhue Section**

Test Result of Reinforcing Steel of Vietnam Germany Steel (VGS)

- Ref:
1. SMC4-MA-0040/18 dated March 23, 2018
 2. EGN/PK1-0168-10.02 dated February 01, 2018
 3. SMC4-MA-0020/18 dated January 25, 2018
 4. SMC4-MA-0009/18 dated January 05, 2018
 5. Clause S10.02 the Technical Specification

In reply to your letter SMC4-MA-0040/18 dated March 23, 2018. After reviewing your submitted document and with reference to Clause S10.02 (3) Reinforcing Steel Bars, Threaded Coupler Splice -Material of the Technical Specification, we approve your proposal for using reinforcing steel bars for the Project with following specific information:

- **The Manufacturer:**
 - Name of Company: Vietnam Germany Steel Mill JSC (VGS)
 - Address: Binh Xuyen Industrial Zone, Dao Duc commune, Binh Xuyen district, Vinh Phu province.
- **The Supplier:**
 - Name of Company: VPA Group Joint Stock Company
 - Address: NV 02-03, No. 173 Xuan Thuy street, Dich Vong Hau ward, Cau Giay district, Hanoi city, Vietnam.

You are requested to:

- Show all relevant papers when material will be delivered on Site.
- Take sample frequently according to requirement of the Technical Specification.

Your cooperation is highly appreciated.

Yours sincerely,

Noboru MAKI
Resident Engineer

Enclose: Ref. 1. SMC4-MA-0040/18 dated March 23, 2018

c.c. Mr. Duong Viet Roan, Director, PMU Thang Long
Mr. Norihide KANO, the Engineer

Số HĐ/ Con. N°.
154/18 KNIBS

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Hà Nội, 05/ 03/ 2018
BC/R.N°.: 05.03.18-05

I. THÔNG TIN/ INFORMATION

1. Khách hàng/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC	2. Công trình/ Project: XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3 TP. HÀ NỘI ĐOẠN MAI DỊCH - NAM THẮNG LONG Gói thầu số 01/ Package 01: Xây dựng đoạn Mai Dịch-Cổ Nhuế
3. Mẫu thử nghiệm/ Test samples: Thép cốt bê tông, thanh vằn/ Deformed steel bar	4. Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test criterias Khối lượng đơn vị; Các chỉ tiêu cơ tính The unit mass; The mechanical properties
5. Phương pháp thử/ Test methods: ISO15630-1:2010 Yêu cầu kỹ thuật/ Specifications: TCVN1651-2: 2008	6. Thiết bị thử nghiệm/ Test equipments: DLY-100 7. Ngày thử nghiệm/ Date of test: 05/ 03/ 2018

II. KẾT QUẢ/ RESULT

Mẫu thử nghiệm - Test pieces				Thử nghiệm kéo - Tensile test					TN.uốn - Bend test	
Cỡ, ký hiệu Size, Notation	Đ. kính thực đo Actual diameter d _{TN} mm	Kh. lượng đơn vị Unit mass Q/L kg/m	Diện tích danh nghĩa Nominal Cross section S ₀ mm ²	Lực chảy Force at yield point F _{eH} N	Ứng suất chảy Yield strength R _{eH} N/mm ²	Lực bền Maximum force F _m N	Ứng suất bền Tensile Strength R _m N/mm ²	Độ giãn dài tương đối Percentage elongation A ₅ %	Đ. kính uốn; Góc uốn Bending dia.; Bending angle D _b ; α _b mm; degree	Khả năng chịu uốn Bend ability
Spec. (CB400-V): d25		3.70 ± 4.00	491.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d25 - VGS Lot: 218-0043	24.7 24.8 24.5	3.767 3.793 3.714	491.0	318000 306000 290000	647.7 623.2 590.6	374000 360000 358000	761.7 733.2 729.1	17.6 17.6 17.6	125 ; 180°	Không nứt Not crack
Spec. (CB400-V): d28		4.65 ± 5.03	616.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d28 - VGS Lot: 218-0033	27.9 27.7 27.6	4.800 4.745 4.684	616.0	294000 294000 310000	477.3 477.3 503.2	366000 366000 384000	594.2 594.2 623.4	20.0 20.0 20.0	140 ; 180°	Không nứt Not crack
Spec. (CB400-V): d32		6.06 ± 6.56	804.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d32 - VGS Lot: 218-0034	31.6 31.8 31.6	6.155 6.217 6.144	804.0	408000 418000 410000	507.5 519.9 510.0	524000 530000 526000	651.7 659.2 654.2	20.0 20.0 20.0	160 ; 180°	Không nứt Not crack

Ghi chú/ Note: Khối lượng đơn vị và các chỉ tiêu cơ tính của các tổ mẫu cốt thép vằn trên phù hợp thép Mác CB400-V, theo tiêu chuẩn TCVN1651-2:2008/ The unit mass and the mechanical properties of the deformed steel bar samples above comply with the steel bar Grade CB400-V, according to TCVN1651-2:2008.

Chủ đầu tư/ Owner TVGS/ Supervisor Đơn vị thi công/ Contractor Đơn vị cung cấp/ Supplier	Người thử nghiệm Tested by Hà Quang Lương	LAS - XD01 Phòng Hàn, Kim loại & VLM Department of welding, metal & Advanced materials P. Trưởng LAS - XD01 D. Head of LAS - XD01 KS./ Eng. Phan Anh Tuấn	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng Institute of Building Structures (IBS) P. Giám đốc/ D. Director TS./ Dr. Vũ Thành Trung
---	---	---	---

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test report is valid only for samples provided by the Client
2. Không được sao chép kết quả này nếu không được sự đồng ý của IBS/ This test report shall not be reproduced without the written approval of IBS
Địa chỉ phòng thí nghiệm/ Testing Add.: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội Tel.: 04.38364162 Fax.: 04.62692708

BM-ISO07 (LAS-XD01)-20

Trang 23



Joint Venture of Oriental Consultants Global Co., Ltd. (OCG) and Oriental Consultants Co., Ltd. (OC), Katahira & Engineers International (KEI), Transport Engineering Design Inc. (TEDI) in association with Asia Pacific Engineering Consultants (APECO)

HANOI CITY RING ROAD NO.3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DICH – SOUTH THANG LONG SECTION
4F., Truong Thinh Bldg., Trang An Complex, No.1 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam
Tel: (84-24) 3 200-9413 Fax: (84-24) 3 200-7713

Ngày 14 tháng 04 năm 2018

Số: ENG/PK2-0279-1.76

Đại diện được ủy quyền,
Liên danh Tokyu – Taisei,
Tầng 2, N04B T1 Lanmark Tower, Khu Đoàn Ngoại Giao,
Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Thưa ông Tetsushi Yamashita,

V/v: Dự án Xây dựng Đường vành đai 3 Hà Nội, Mai Dịch – Nam Thăng Long

Gói thầu 2: Xây dựng Đoạn Cỗ Nhướ - Nam Thăng Long

Kết quả thí nghiệm vật liệu thép Việt Đức (VGS)

Tham chiếu: 1. OE/HRR3PK2/1804/NTD/094 ngày 10/04/2018
2. OE/HRR3PK2/1803/NTD/057 ngày 07/03/2018
3. OE/HRR3PK2/1801/NTD/032 ngày 24/01/2018

Chúng tôi đề cập đến các thư của Nhà thầu nêu trong phần Tham chiếu từ 1 đến 3.
Dẫn chiếu Điều S10.02 (3) Cốt thép và ghép nối cốt thép - Vật liệu - của Yêu cầu Tiêu chuẩn Kỹ thuật, chúng tôi chấp thuận đề xuất của Nhà thầu về việc sử dụng cốt thép Việt Đức (VGS) cho dự án.

Thông tin cụ thể về nhà sản xuất và nhà cung cấp thép VGS như sau:

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần sản xuất thép Việt Đức, có địa chỉ nhà máy tại Khu Công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhà cung cấp: Công Ty TNHH Thương mại và dịch vụ Toàn Cầu.

Yêu cầu Nhà thầu xuất trình đầy đủ giấy tờ liên quan khi vật liệu được chở đến công trường và lấy mẫu thí nghiệm tần suất theo quy định.

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Nhà thầu.

Kính thư,

(đã ký)

Norihide KANO

Kỹ sư

Đính kèm: OE/HRR3PK2/1804/NTD/094 ngày 10/04/2018

c.c. Ông Dương Việt Roãn, Giám đốc, Ban QLDA Thăng Long



Joint Venture of Oriental Consultants Global Co., Ltd. (OCG) and Oriental Consultants Co., Ltd. (OC), Katahira & Engineers International (KEI), Transport Engineering Design Inc. (TEDI) in association with Asia Pacific Engineering Consultants (APECO)

HANOI CITY RING ROAD NO.3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DICH – SOUTH THANG LONG SECTION
4F., Truong Thinh Bldg., Trang An Complex, No.1 Phung Chi Kien Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam
Tel: (84-24) 3 200-9413 Fax: (84-24) 3 200-7713

April 14, 2018
Ref. No.ENG/PK2-0279-1.76

Authorized Representative,
Tokyu – Taisei Joint Venture,
2nd Floor, N04B T1 Lanmark Tower, Diplomatic Area,
Xuan Tao Ward, North Tu Liem District, Hanoi, Vietnam

Dear Mr. Tetsushi Yamashita,

**Subject : Hanoi City Ring Road No.3 Construction Project,
Mai Dich – South Thang Long Section
Package 2: Construction of Co Nhue – South Thang Long Section
Test Result of Viet Duc Steel (VGS)**

- Ref: 1. OE/HRR3PK2/1804/NTD/094 dated April 10 2018
2. OE/HRR3PK2/1803/NTD/057 dated March 07 2018
3. OE/HRR3PK2/1801/NTD/032 dated January 24 2018

We refer to your letters as Ref.1 through Ref.3.

With reference to Clause S10.02(3) Reinforcing steel bar and Threaded coupler splice – Material - of the Technical Specifications, we approve your proposal to use Viet Duc Steel (VGS) for the Works.

Following is the particular information of the VGS Steel manufacturer and supplier :

Manufacturer: Vietnam Germany Steel Mill Joint Stock Company, address of its factory is at Binh Xuyen Industrial Zone, Dao Duc Commune, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province.

Supplier: Toan Cau Trading and Service Company Limited.

In this regard, you are requested to submit all the related documents upon delivery of the material to the Site and carry out the required sampling and frequency testing.

Your cooperation is highly appreciated.

Yours sincerely,


Norihide KANO
The Engineer

Encl. OE/HRR3PK2/1804/NTD/094 dated April 10 2018

c.c. Mr. Duong Viet Roan, Director, PMU Thang Long



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Institute of Building Structures

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 024.62670817 - Fax: 024.62692708
Website: www.vienketcau.vn; www.ibst.vn

Số HĐ/ Con. N ^o : 154/2018 KNIBS	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Hà Nội, 28/ 03/ 2018 BC/R.N ^o : 28.03.18-05
--	---	---

I. THÔNG TIN/ INFORMATION

1. Khách hàng/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC	2. Công trình/ Project: HA NOI CITY RR3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DICH-SOUTH THANG LONG SECTION/ ĐÁ ĐT XD CẦU CẠN MAI DỊCH-NAM THẮNG LONG THUỘC ĐƯỜNG VĐ III-HN Gói số 2/ Package 2: Construction of Co Nhue-South Thang Long section (Xây dựng đoạn Cỏ Nhuế-Nam Thắng Long) Hạng mục/ Item: Cốt thép-Steel rebar
3. Mẫu thử nghiệm/ Test samples: Thép cốt bê tông vằn/ Deformed steel bar	4. Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test criterias Khối lượng đơn vị; Các chỉ tiêu cơ tính The unit mass; The mechanical properties
5. Phương pháp thử/ Test methods: ISO 15630-1:2010 Yêu cầu kỹ thuật/ Specifications: TCVN 1651-2:2008	6. Thiết bị thử nghiệm/ Test equipments: DLY-100 7. Ngày thử nghiệm/ Date of test: 28/ 03/ 2018

II. KẾT QUẢ/ RESULT

Mẫu thử nghiệm - Test pieces				Thử nghiệm kéo - Tensile test					TN. uốn - Bend test	
Kích cỡ, ký hiệu Size, Notation	Đ. kính thực đo Actual diameter d _{TN} mm	Kh. lượng đơn vị Unit mass Q/L kg/m	Diện tích danh nghĩa Nominal Cross section S _n mm ²	Lực chảy trên Force at upper yield point F _{eH} N	Ứng suất chảy trên Upper yield strength R _{eH} N/mm ²	Lực bền Maximum force F _m N	Ứng suất bền Tensile Strength R _m N/mm ²	Độ giãn dài tương đối Percentage elongation A ₅ %	Đ. kính uốn; Góc uốn Bending dia.; D ; γ mm ; °	Khả năng chịu uốn Bend ability
Spec. (CB400-V): d22		2.83 ± 3.13	380.1	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d22 VGS Lot: 218-0079	21.5	2.858	380.1	195000	513.0	247000	649.8	19.1	110 ; 180°	Không nứt Not crack
	21.5	2.857		192000	505.1	244000	641.9	19.1		
	21.6	2.880		197000	518.3	249000	655.1	19.1		
Spec. (CB400-V): d25		3.70 ± 4.00	491.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d25 VGS Lot: 218-0077	24.7	3.751	491.0	270000	549.9	338000	688.4	18.4	125 ; 180°	Không nứt Not crack
	24.7	3.748		272000	554.0	340000	692.5	18.4		
	24.7	3.760		268000	545.8	336000	684.3	18.4		

Ghi chú/ Note: Khối lượng đơn vị và các chỉ tiêu cơ tính của các tổ mẫu cốt thép vằn trên phù hợp thép Mác CB400-V theo TCVN 1651-2:2008/ The unit mass and the mechanical properties of the deformed steel bar samples above comply with the steel bar Grade CB400-V, according to TCVN 1651-2:2008.

Chủ đầu tư/ Owner TVGS/ Supervisor Đơn vị thi công/ Contractor	Người thử nghiệm Tested by KS./ Eng. Đào Văn Thế	LAS-XD01 Phòng Hàn, Kim loại & VLM Department of welding, metal & Advanced materials P. Trưởng LAS-XD01 D. Head of LAS-XD01 KS./ Eng. Phan Anh Tuấn	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng Institute of Building Structures (IBS) P. Giám đốc/ D. Director TS./ Dr. Vũ Thành Trung
--	--	---	---

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test report is valid only for samples provided by the Client
2. Không được sao chép kết quả này nếu không được sự đồng ý của IBS/ This test report shall not be reproduced without the written approval of IBS
Địa chỉ phòng thí nghiệm/ Testing Add.: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội Tel.: 024.38364162 Fax.: 024.62692708
BM-ISO07 (LAS-XD01)-20



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Institute of Building Structures

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 024.62670817 - Fax: 024.62692708
Website: www.vienketcau.vn; www.ibst.vn

Số HD/ Con. N°.: 154/2018 KNIBS	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Hà Nội, 28/ 03/ 2018 BC/R.N°.: 28.03.18-06
------------------------------------	---	---

I. THÔNG TIN/ INFORMATION

1. Khách hàng/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC	2. Công trình/ Project: HA NOI CITY RR3 CONSTRUCTION PROJECT, MAI DỊCH-SOUTH THANG LONG SECTION/ DA ĐT XD CẦU CẠN MAI DỊCH-NAM THĂNG LONG THUỘC ĐƯỜNG VĐ III-HN Gói số 2/ Package 2: Construction of Co Nhue-South Thang Long section (Xây dựng đoạn Cổ Nhuế-Nam Thăng Long) Hạng mục/ Item: Cốt thép-Steel rebar
3. Mẫu thử nghiệm/ Test samples: Thép cốt bê tông vằn/ Deformed steel bar	4. Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test criterias Khối lượng đơn vị; Các chỉ tiêu cơ tính The unit mass; The mechanical properties
5. Phương pháp thử/ Test methods: ISO 15630-1:2010 Yêu cầu kỹ thuật/ Specifications: TCVN 1651-2:2008	6. Thiết bị thử nghiệm/ Test equipments: DLY-100 7. Ngày thử nghiệm/ Date of test: 28/ 03/ 2018

II. KẾT QUẢ/ RESULT

Mẫu thử nghiệm - Test pieces				Thử nghiệm kéo - Tensile test					TN uốn - Bend test	
Kích cỡ, ký hiệu Size, Notation	Đ. kính thực đo Actual diameter d _{TN} mm	Kh. lượng đơn vị Unit mass Q/L kg/m	Diện tích danh nghĩa Nominal Cross section S _n mm ²	Lực chảy trên Force at upper yield point F _{0.2H} N	Ứng suất chảy trên Upper yield strength R _{0.2H} N/mm ²	Lực bền Maximum force F _m N	Ứng suất bền Tensile Strength R _m N/mm ²	Độ giãn dài tương đối Percentage elongation A ₅ %	Đ. kính uốn; Góc uốn Bending dia.; Bending angle D ; γ mm ; °	Khả năng chịu uốn Bend ability
Spec. (CB400-V): d28		4.65 ÷ 5.03	616.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d28 VGS Lot: 218-0074	27.8 27.6 27.6	4.750 4.713 4.709	616.0	344000 354000 348000	558.4 574.7 564.9	450000 460000 456000	730.5 746.8 740.3	18.6 18.6 18.6	140 ; 180°	Không nứt Not crack
Spec. (CB400-V): d32		6.06 ÷ 6.56	804.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d; 180°	-
d32 VGS Lot: 218-0073	31.7 31.5 31.6	6.210 6.125 6.175	804.0	414000 420000 424000	514.9 522.4 527.4	540000 546000 552000	671.6 679.1 686.6	19.4 19.4 19.4	160 ; 180°	Không nứt Not crack

Ghi chú/ Note: Khối lượng đơn vị và các chỉ tiêu cơ tính của các tổ mẫu cốt thép vằn trên phù hợp thép Mác CB400-V theo TCVN 1651-2:2008/ The unit mass and the mechanical properties of the deformed steel bar samples above comply with the steel bar Grade CB400-V, according to TCVN 1651-2:2008.

Chủ đầu tư/ Owner TVGS/ Supervisor Đơn vị thi công/ Contractor	Người thử nghiệm Tested by KS.I Eng. Đào Văn Thế	LAS-XD01 Phòng Hàn, Kim loại & VLM Department of welding, metal & Advanced materials P. Trưởng LAS-XD01 D. Head of LAS-XD01 KS.I Eng. Phan Anh Tuấn	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng Institute of Building Structures (IBS) P. Giám đốc D. Director TS.I Dr. Vũ Thành Trung
--	--	---	--

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test report is valid only for samples provided by the Client
2. Không được sao chép kết quả này nếu không được sự đồng ý của IBS/ This test report shall not be reproduced without the written approval of IBS
Địa chỉ phòng thí nghiệm/ Testing Add.: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội Tel.: 024.38364162 Fax.: 024.62692708
BM-ISO07 (LAS-XD01)-20



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÁY XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ THỰC NGHIỆM
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT TƯ THIẾT BỊ CẦU ĐƯỜNG QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04.37664248/ Fax: 04.37663942/ Hotline: 0989.144.450/ Email: vilas276@gmail.com

Số: 07081803/BC-HHT

Hà Nội, ngày 07/08/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
(Report of test results)
VẬT LIỆU KIM LOẠI - THÀNH PHẦN HÓA HỌC
(Metallic materials - Chemical compositions)

1. Đơn vị yêu cầu/Client:	Liên danh Cienco 1 - TLG - Thăng Long Meco - B14 „JSC - Bridge 75 „JSC - Nhạc Sơn Co.,LTD - APECO		
2. Mục đích sử dụng: (For the purpose)	Gói thầu số 06: Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và toàn bộ phần thi công xây dựng (gói thầu hỗn hợp EC) thuộc dự án: Xây dựng cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)		
3. Nguồn gốc mẫu: (Source of sample)	Mẫu thép thanh vằn		
4. Ngày nhận mẫu: (Received date)	07/08/2018	Ngày kiểm tra: (Date of testing)	07/08/2018
5. Phương pháp thử: (Test of method)	ASTM E415	Tiêu chuẩn đánh giá: (Standard specification)	TCVN 1651-2:2008 (Mức thép CB400-V)
6. Thiết bị thử nghiệm: (Instrument for test)	Thiết bị phân tích thành phần hóa học thép SPECTRO		
7. Kết quả thử nghiệm: (Test results)	(Xem bảng dưới)		

S T T	Loại mẫu/ Sample	Thành phần hóa học/ Chemical compositions (Tính theo % khối lượng)							
		C (%)	Si (%)	Mn (%)	P (%)	S (%)	Cr (%)	Ni (%)	-
		≤ 0,29	≤ 0,55	≤ 1,80	≤ 0,040	≤ 0,040	-	-	-
1	Mẫu thép vằn Φ12mm (Việt Đức)	0,247	0,254	0,707	0,0235	0,0226	0,0481	0,0221	-
2	Mẫu thép vằn Φ16mm (Việt Đức)	0,258	0,253	0,711	0,0259	0,0262	0,1270	0,0439	-
3	Mẫu thép vằn Φ22mm (Việt Đức)	0,256	0,257	0,711	0,0260	0,0261	0,1280	0,0432	-
4	Mẫu thép vằn Φ25mm (Việt Đức)	0,270	0,260	0,705	0,0245	0,0247	0,0500	0,0222	-

Kết luận/ Conclusion:

Mẫu thử nghiệm đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn đánh giá/ Sample meet Standard specification.

Ghi chú/ Remarks:

Mẫu thử do khách hàng đem đến/ Specimens were given by client.

TVGS
Consultant

Nhà thầu
Contractor

Chủ đầu tư
Owner

Người kiểm tra
Test by

Phòng thí nghiệm
Laboratory

Trung tâm CN Máy xây dựng
và Cơ khí thực nghiệm
TECME

Phạm Đình Nam

TP. Đinh Trang Thân
VILAS 276

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thịnh



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÁY XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ THỰC NGHIỆM
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT TƯ THIẾT BỊ CẦU ĐƯỜNG QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04.37664248/ Fax: 04.37663942/ Hotline: 0989.144.450/ Email: vilas276@gmail.com

Số: 19101708/BC-HHT2

Hà Nội, ngày 19/10/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
(Report of test results)
VẬT LIỆU KIM LOẠI - THÀNH PHẦN HÓA HỌC
(Metallic materials - Chemical compositions)

1. Đơn vị yêu cầu/Client:	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy Trung Nam		
2. Mục đích sử dụng: (For the purpose)	Xây dựng cầu Vũ Yên I, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng		
3. Nguồn gốc mẫu: (Source of sample)	Mẫu thép thanh tròn trơn (Thép Việt Đức - VGS) (Mẫu do khách hàng cung cấp)		
4. Ngày nhận mẫu: (Received date)	19/10/2017	Ngày kiểm tra: (Date of testing)	19/10/2017
5. Phương pháp thử: (Test of method)	ASTM E415	Tiêu chuẩn đánh giá: (Standard specification)	TCVN 1651-1:2008 (Mức CB240-T)
6. Thiết bị thử nghiệm: (Instrument for test)	Thiết bị phân tích thành phần hóa học thép SPECTRO		
7. Kết quả thử nghiệm: (Test results)	(Xem bảng dưới)		

S T T	Loại mẫu/ Sample	Thành phần hóa học/ Chemical compositions (Tính theo % khối lượng)							
		C (%)	Si (%)	Mn (%)	P (%)	S (%)	Cr (%)	Ni (%)	Cu (%)
		-	-	-	≤ 0,050	≤ 0,050	-	-	-
1	Mẫu thép thanh tròn Φ6mm (VGS)	0,179	0,237	0,397	0,0214	0,0196	0,143	0,0432	-
2	Mẫu thép thanh tròn Φ8mm (VGS)	0,241	0,270	0,434	0,0274	0,0283	0,201	0,0585	-
Kết luận/ Conclusion:		Các mẫu vật liệu thử nghiệm đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn đánh giá							

Ghi chú/ Remarks:

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử/
Test results valid only to the items tested.

TVGS
Consultant

Nhà thầu
Contractor

Chủ đầu tư
Owner

Người kiểm tra
Test by

Phòng thí nghiệm
Laboratory

Trung tâm CN Máy xây dựng
và Cơ khí thực nghiệm
TECME



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thịnh

*Không được sao chép lại ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN.

BM/16/02

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày ban hành/sửa đổi: 12.05.14/

CÔNG TY CP BOT BẮC GIANG-LẠNG SƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BOT BẮC GIANG-LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~44~~./2017/BQL.BGLS

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2017

V/v Chấp thuận nguồn vật liệu thép Việt Đức
cho gói thầu XL19-CT, XL21-CT, XL23-CT.

Kính gửi:

- Công ty CP tư vấn xây dựng A2Z/ Văn phòng
TVGS Bắc Giang-Lạng Sơn;
- Công ty TNHH Hòa Hiệp-Nhà thầu gói thầu XL19-
CT, XL21-CT, XL23-CT;

Ban QLDA BOT Bắc Giang-Lạng Sơn nhận được văn bản số 170830.01/CV/TVGS CT A2Z ngày 30/08/2017 của Văn phòng TVGS Bắc Giang-Lạng Sơn về việc chấp thuận nguồn vật liệu thép Việt Đức do Công ty CP sản xuất thép Việt Đức sản xuất cho gói thầu XL19-CT, XL21-CT, XL23-CT.

Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ đệ trình, Ban QLDA BOT Bắc Giang-Lạng Sơn có ý kiến như sau:

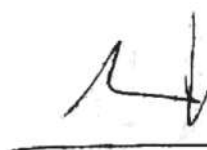
1. Chấp thuận nguồn vật liệu thép Việt Đức do Công ty CP sản xuất thép Việt Đức sản xuất cho gói thầu XL19-CT, XL21-CT, XL23-CT theo đề nghị của Văn phòng TVGS Bắc Giang-Lạng Sơn.
2. Yêu cầu Văn phòng TVGS Bắc Giang-Lạng Sơn kiểm tra, giám sát chất lượng, xuất xứ vật liệu thép Việt Đức do Công ty CP sản xuất thép Việt Đức sản xuất cho gói thầu XL19-CT, XL21-CT, XL23-CT, đảm bảo tuân theo hồ sơ hàng hóa đã được chấp thuận, hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định hiện hành. Nhà thầu và TVGS chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng và vật liệu đưa vào sử dụng tại công trình.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu VT, Ban QLDA BGLS.

GIÁM ĐỐC



Trần Phúc Tự





VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÁY XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ THỰC NGHIỆM
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT TƯ THIẾT BỊ CẦU ĐƯỜNG QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04.37664248/ Fax: 04.37663942/ Hotline: 0989.144.450/ Email: vilas276@gmail.com

Số: 28071605/BC-HHT

Hà Nội, ngày 29/07/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
(Report of test results)

VẬT LIỆU KIM LOẠI - THÀNH PHẦN HÓA HỌC
(Metallic materials - Chemical compositions)

1. Đơn vị yêu cầu/Client:	Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức		
2. Mục đích sử dụng: (For the purpose)	Cầu Bách Lãm - Yên Bái		
3. Nguồn gốc mẫu: (Source of sample)	Mẫu thép vằn (Mẫu do khách hàng cung cấp)		
4. Mã số mẫu: (Number of sample)	28071605		
5. Ngày nhận mẫu: (Received date)	28/07/2016	Ngày kiểm tra: (Date of testing)	29/07/2016
6. Phương pháp thử: (Test of method)	ASTM E415	Tiêu chuẩn đánh giá: (Standard specification)	TCVN 1651-2:2008 (Mác thép CB400-V)
7. Thiết bị thử nghiệm: (Instrument for test)	Thiết bị phân tích thành phần hóa học thép SPECTRO		
8. Kết quả thử nghiệm: (Test results)	(Xem bảng dưới)		

S T T	Loại mẫu/ Sample	Thành phần hóa học/ Chemical compositions (Tính theo % khối lượng)							
		C (%)	Si (%)	Mn (%)	P (%)	S (%)	Cr (%)	Ni (%)	-
		≤ 0,29	≤ 0,55	≤ 1,80	≤ 0,040	≤ 0,040	-	-	-
1	Mẫu thép vằn Việt Đức Φ12 mm	0,241	0,236	0,495	0,0282	0,0282	0,2090	0,0693	-
2	Mẫu thép vằn Việt Đức Φ25 mm	0,249	0,198	0,465	0,0180	0,0163	0,0160	0,0118	-
3	Mẫu thép vằn Việt Đức Φ28 mm	0,273	0,211	0,613	0,0187	0,0193	0,0162	0,0155	-
6	Mẫu thép vằn Việt Đức Φ32 mm	0,271	0,234	0,643	0,0206	0,0204	0,0151	0,0160	-
Kết luận/ Conclusion:		Các mẫu vật liệu thử nghiệm đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn đánh giá							

Ghi chú/ Remarks:

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử/
Test results valid only to the items tested.

TVGS
Consultant

Nhà thầu
Contractor

Chủ đầu tư
Owner

Người kiểm tra
Test by

Phòng thí nghiệm
Laboratory

Trung tâm CN Máy xây dựng
và Cơ khí thực nghiệm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đinh Trọng Chân

*Không được sao chép lại ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN.

BM/16/02

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày ban hành/sửa đổi: 12.05.14/



Số - No.: 190 - 11/2014/VILAS 164

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI
REPORT ON TEST RESULTS OF METALLIC MATERIALS

1. Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN THÁI SƠN BQP
Client:
2. Nơi sử dụng: Cầu Việt Trì mới dành riêng cho giao thông đường bộ, qua sông Lô, trên quốc lộ 2
Project:
3. Nguồn gốc mẫu: Thép gai D36mm - Xuất xứ: Thép Việt Đức (VGS)/ Mẫu do khách hàng đem đến
Source of material:
4. Ngày nhận mẫu: 17/02/2014 **Mã số mẫu:** 116-11/14/VB
Date received **Sample code:**
5. Tiêu chuẩn áp dụng: Phương pháp thử/ Test method: Tiêu chuẩn đánh giá/ Standard specification:
To comply with standards: TCVN 197:02 & 198:08 TCVN1651 - 2 : 08

6. Kết quả/ Test results

6.1 Trọng lượng & Tiết diện/ Section area and weight.

CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM/ ITEMS	ĐƠN VỊ UNITS	YÊU CẦU KỸ THUẬT SPECIFICATION	KẾT QUẢ/ RESULTS		
			#1	#2	#3
Trọng lượng / Unit weight	Kg/m	7.670min - 8.310max	7.720	7.710	7.704
Tiết diện danh định/ Nominal section area	mm ²	1017.9	1017.9	1017.9	1017.9

6.2 Tính chất cơ học/ Mechanical properties.

Lực chảy/ Yield load	N	-	551400	550600	550800
Giới hạn chảy/ Yield strength. (Re)	N/mm ²	400 min	541.7	540.9	541.1
Lực kéo max/ Maximum tensile load	N	-	648600	648500	648000
Giới hạn bền kéo/ Tensile strength. (Rm)	N/mm ²	570 min	637.2	637.5	636.6
Độ giãn dài tương đối/ Percentage Elongation	%	14 min	15.2	15.7	15.5

6.3 Đặc tính uốn/ Bend ability.

Góc độ uốn/ Angle of bending	(⁰)	180	Không nứt, gãy	Không nứt, gãy	Không nứt, gãy
Đường kính gối uốn/ Diameter of bending	mm	5D			

7. Ghi chú/ Note: - Tiêu chuẩn đánh giá theo TCVN1651:08 - Mác thép: CB400V/ Standard specification TCVN1651: 08 - Grade: CB400V
- Kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ The results are only valid for tested sample.

8. Những người thực hiện/ Operators:

Thí nghiệm/ Tested by:

Tính toán/ Calculated by:

Kiểm tra/ Checked by:

Đỗ Văn Nhân

Trần Trung Thành

Cao Anh Tuấn

PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ 1 - ROAD LABORATORY 1

P.Giám đốc - Vice Director

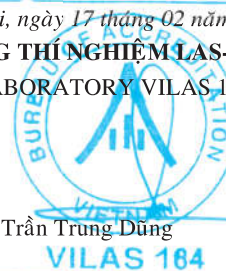


ThS. Trần Trung Dũng

Hà nội, ngày 17 tháng 02 năm 2014
PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS-XD164
LABORATORY VILAS 164



ThS. Trần Trung Dũng



Nhà thầu/ Contractor:

Tư vấn giám sát/ Engineer:

Chủ đầu tư/ Employer:



Số - No.: 1554 - 8/2013LAS-XD105

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI
REPORT ON TEST RESULTS OF METALLIC MATERIALS

- 1. Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG NAMKWANG
Client:
- 2. Nơi sử dụng:** Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Gói thầu EX2
Project:
- 3. Nguồn gốc mẫu:** Thép gai D32 - Số lô: 0310 - Nhà sản xuất: Công ty thép Việt Đức (VGS)/ Mẫu do khách hàng đem đến
Source of material:
- 4. Ngày nhận mẫu:** 23/10/2013
Date received
- 5. Tiêu chuẩn áp dụng:** Phương pháp thử/ Test method: Tiêu chuẩn đánh giá/ Standard specification:
To comply with standards: ASTM A370: 11 ASTM A615/A615: 05
- 6. Kết quả/ Test results**

6.1 Trọng lượng & Tiết diện/ Section area and weight.

CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM/ ITEMS	ĐƠN VỊ UNITS	TIÊU CHUẨN SPECIFICATION	KẾT QUẢ/ RESULTS		
			#1	#2	#3
Trọng lượng / Unit weight	Kg/m	6.020min - 6.788max	6.133	6.129	6.121
Tiết diện danh định/ Nominal section area	mm ²	819.0	819.0	819.0	819.0

6.2 Tính chất cơ học/ Mechanical properties.

Lực chảy/ Yield load	N	-	418000	421600	417400
Giới hạn chảy/ Yield strength. (Re)	N/mm ²	420 min	510.4	514.8	509.6
Lực kéo max/ Maximum tensile load	N	-	525800	526800	523400
Giới hạn bền kéo/ Tensile strength. (Rm)	N/mm ²	620 min	642.0	643.2	639.1
Độ giãn dài tương đối/ Percentage Elongation	%	7 min	17.8	16.4	17.1

6.3 Đặc tính uốn/ Bend ability

Góc độ uốn/ Angle of bending	(⁰)	180	Không nứt, gãy No crack.	Không nứt, gãy No crack.	Không nứt, gãy No crack.
Đường kính gối uốn/ Diameter of bending	mm	7D			

7. Ghi chú/ Note: - Tiêu chuẩn đánh giá theo ASTM A615: 05 - Mác thép: Grade 60/ Standard specification ASTM A615: 05 - Grade: 60
- Kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ The results are only valid for tested sample.

8. Những người thực hiện/ Operators:

Thí nghiệm/ Tested by:

Tính toán/ Calculated by:

Kiểm tra/ Checked by:

Đỗ Văn Nhân

Trần Trung Thành

Cao Anh Tuấn

PHÒNG THÍ NGHIỆM TĐĐB I - ROAD LABORATORY I

Phó Giám đốc/ Vice Director



ThS. Trần Trung Dũng

Hà nội, ngày 23 tháng 10 năm 2013

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD105

LABORATORY LAS-XD105



ThS. Trần Trung Dũng

Nhà thầu/ Contractor:

Tư vấn giám sát/ Engineer:

Chủ đầu tư/ Employer:



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
INSTITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ 1 - ROAD LABORATORY 1

Địa chỉ: 1252 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.766.3488 / Fax: (84-4) 3.766.8539, Email: Roadlab1@itst.gov.vn



Số - No.: 1074 - 11/2012LAS-XD105

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI
REPORT ON TEST RESULTS OF METALLIC MATERIAL

1. Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG NAMKWANG
Client:

2. Nơi sử dụng: Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Gói thầu EX2
Project:

3. Nguồn gốc mẫu: Thép gai D29 - Thép Việt Đức - Số lô: 196/ Mẫu do khách hàng đem đến
Source of material:

4. Ngày nhận mẫu: 19/09/2012
Date received

5. Tiêu chuẩn áp dụng: Phương pháp thử/ Test method: Tiêu chuẩn đánh giá/ Standard specification:
To comply with standards: ASTM A370: 11 ASTM A615/A615: 05

6. Kết quả/ Test results

6.1 Trọng lượng & Tiết diện/ Section area and weight.

CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM/ ITEMS	ĐƠN VỊ UNITS	TIÊU CHUẨN SPECIFICATION	KẾT QUẢ/ RESULTS		
			#1	#2	#3
Trọng lượng / Unit weight	Kg/m	4.756 min - 5.364 max	5.076	4.935	4.916
Tiết diện danh định/ Nominal section area	mm ²	645.0	645.0	645.0	645.0

6.2 Tính chất cơ học/ Mechanical properties.

Lực chảy/ Yield load	N	-	364400	355800	355000
Giới hạn chảy/ Yield strength. (Re)	N/mm ²	420 min	565.0	551.6	550.4
Lực kéo max/ Maximum tensile load	N	-	460600	441200	459000
Giới hạn bền kéo/ Tensile strength. (Rm)	N/mm ²	620 min	714.1	684.0	711.6
Độ giãn dài tương đối/ Percentage Elongation (L=203)	%	7 min	17.1	16.6	17.7

6.3 Đặc tính uốn/ Bend ability

Góc độ uốn/ Angle of bending	(^o)	180	Không nứt, gãy No crack.	Không nứt, gãy No crack.	Không nứt, gãy No crack.
Đường kính gối uốn/ Diameter of bending	mm	7D			

7. Ghi chú/ Note: - Tiêu chuẩn đánh giá theo ASTM A615: 05 - Mác thép: Grade 60/ Standard specification ASTM A615: 05 - Grade: 60
- Kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ The results are only valid for tested sample.

8. Những người thực hiện/ Operators:

Thí nghiệm/ Tested by:

Trần Văn Thắng

Tính toán/ Calculated by:

Nguyễn Quang Dư

Kiểm tra/ Checked by:

Cao Anh Tuấn

PHÒNG THÍ NGHIỆM TĐĐB 1 - ROAD LABORATORY I

Giám đốc - Director

Msc. Nguyễn Văn Thành

Hà nội, ngày 19 tháng 09 năm 2012

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD105
LABORATORY LAS-XD105

Eng. Trần Trung Dũng

Nhà thầu/ Contractor:

Tư vấn giám sát/ Engineer:

Chủ đầu tư/ Employer:



TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIETNAM INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND FINANCE INVESTMENT JSC
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
HANOI - HAIPHONG EXPRESSWAY PROJECT MANAGEMENT BOARD

8,9,10 floors - LILAMA 10 Building - LeVanLuong Extension Street - TrungVan Commune - TuLiem District - Hanoi
Tel: 84-4 3771 1668 Fax: 84-4 3771 1671

Số/ Ref: 120229.04/PMB HNHP-TKDA2

Ngày/Date : 29/02/2012

Kính gửi: Liên danh Tư vấn Meinhardt International Pre Ltd và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nhật Việt (TVGS)

To: Meinhardt International Pre Ltd and Vietnam- Japan Engineering Consultants Joint Operation (The Engineer)

Về việc: Chấp thuận nguồn vật liệu thép sử dụng cho thi công Gói thầu EX-5. Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng.

Subject: *Acceptance of steel material sources to be used for construction works in Package EX-5 under Hanoi- Hai Phong Expressway Project.*

Ban Quản lý dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng (Ban QLDA HN-HP) nhận được văn bản số EX-5/E/06.3/L0328 ngày 25/02/2012 của Liên danh tư vấn MI- VJEC (TVGS) về việc đề nghị Chủ đầu tư chấp thuận nguồn vật liệu thép do Công ty CP thép Việt- Đức sản xuất và được cung cấp bởi Công ty CP Đầu tư tài chính và An ninh công nghệ IFT sử dụng cho thi công gói thầu EX-5 thuộc Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng. Sau khi xem xét, Ban QLDA HN-HP có ý kiến như sau:

We, Ha Noi- Hai Phong Expressway Project Management Board (PMB HNHP) have received document No EX-5/E/06.3/L0328 dated 25 February 2012 issued by MI-VJEC Joint Operation (the Engineer) regarding request for approval of steel material sources manufactured by Vietnam - Germany steel JSC and supplied by IFT Investment Finance and Security Technology to be used for Package EX-5 under Ha Noi- Hai Phong Expressway Project. Upon consideration, we have following comments:

- Nguồn vật liệu thép do Công ty CP thép Việt Đức sản xuất đã được ban QLDA HN- HP chấp thuận cho Gói thầu EX-10 tại văn bản số 111213.01/PMB HNHP-TKDA3 ngày 13/12/2011 và cho Gói thầu EX-6 tại văn bản số 120218.01/PMB HNHP-TKDA2 ngày 18/02/2012. Do đó, Ban QLDA HN-HP không phản đối nguồn vật liệu thép do Công ty CP thép Việt Đức sản xuất, được cung cấp bởi Công ty CP Đầu tư tài chính và an ninh công nghệ IFT dùng cho gói thầu EX-5, Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng như đề xuất của TVGS tại văn bản số EX-5/E/06.3/L0328 ngày 25/02/2012.

The deformed steel bars manufactured by Vietnam- Germany steel JSC has been accepted by PMB HNHP for Package EX-10 at document No.

111213.01/PMB HNHP-TKDA3 dated 13/December/2011 and for Package EX-6 at document No.120218.01/PMB HNHP-TKDA2 dated 18/February/2012. Therefore, we have no objection to use steel material sources manufactured by Vietnam- Germany steel JSC supplied by IFT Investment Finance and Security Technology Corporation to be used for Package EX-5 under Ha Noi- Hai Phong Expressway Project as recommended by the Engineer at document No. EX-5/E/06.3/L0328 dated 25/02/2012.

- Yêu cầu TVGS kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật liệu trong quá trình thi công, đơn đốc Nhà thầu trình Hợp đồng giữa Nhà thầu với Nhà cung cấp và giữa Nhà cung cấp với Nhà sản xuất, tuân thủ theo đúng các yêu cầu của Hợp đồng xây lắp, đáp ứng tiến độ Gói thầu.

The Engineer is requested to closely control quality of the materials during construction, urge the Contractor to submit contracts signed by and between the Contractor and the suppliers and contracts signed by and between the supplier and the manufacturers, comply with the Civil Work Contract, satisfy the schedule of the Package

Rất mong nhận được sự hợp tác của TVGS.

Your cooperation would be highly appreciated!

Trân trọng./.

Yours faithfully.

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



Nguyễn Đức Công

Nơi nhận:

- Như trên
- PTGD, Nguyễn Đức Minh (đề b/c);
- PGD, Phạm Anh Phong;
- Nhà thầu EX-5;
- VPTVGS EX-5;
- Lưu: VT, TKDA2.

C/c:

- The Contractor of Package EX-5.
- Construction Supervision Management Office of package EX-5.



TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIETNAM INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND FINANCE INVESTMENT JSC
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
HANOI - HAIPHONG EXPRESSWAY PROJECT MANAGEMENT BOARD

8th-10th floors - LILAMA 10 Building - LeVanLuong Extension Street - TrungVan Commune - TuLiem District - Hanoi
Tel: 84-4 3771 1668 Fax: 84-4 3771 1671

Số/Ref: 120118.19/PMB HNHP-TKDA1

Ngày/Date: .../01/2012

Kính gửi: Văn phòng Tư vấn giám sát Gói thầu EX-2 (TVGS EX-2)

To: Construction Supervision Management Site Office of Package EX-2

Về việc: Chấp thuận nguồn vật liệu thép do Công ty cổ phần thép Việt Đức sản xuất (loại thép có gờ đường kính D10, D12, D20, D32) để sử dụng cho Gói thầu EX-2, Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Re: *Acceptance of steel material source manufactured by Vietnam - Germany JSC (deformed bars of diameter of A10,D12,D20 and D32) for Package EX-2 under Hanoi- Hai Phong Expressway Project.*

Căn cứ văn bản số EX2/E/6.3/L880 ngày 16/01/2012 của Văn phòng Tư vấn giám sát Gói thầu EX-2 (TVGS EX-2) về việc đề nghị chấp thuận nguồn vật liệu thép có gờ đường kính D10, D12, D20, D32 do Công ty cổ phần thép Việt Đức sản xuất cho Gói thầu EX-2, Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng;

Based on document No. EX2/E/6.3/L880 dated 16 January 2012 issued by the Construction Supervision Management Site Office of the Package EX-2 regarding recommendation on acceptance of the deformed steel bars of diameters of D10,D12,D20 and D32 manufactured by Vietnam - Germany JSC for Package EX-2 under Hanoi - Hai Phong Expressway Project;

Căn cứ văn bản số NK.EX2.PCT.01318 ngày 11/01/2012 của Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Namkwang (Nhà thầu EX-2) về việc đề nghị chấp thuận nguồn vật liệu thép gờ đường kính D10, D12, D20, D32 do Công ty cổ phần thép Việt Đức sản xuất;

Based on document No NK.EX2.PCT.01318 dated 11 January 2012 issued by Namkwang E&C Co., Ltd (the Contractor) regarding request for approval of deformed steel bars of diameters of D10, D12, D20 and D32 manufactured by Vietnam - Germany JSC;

Căn cứ văn bản số 111226.13/PMB HNHP- TKDA1 ngày 26/12/2011 của Ban Quản lý dự án Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Ban QLDA HN-HP) về việc Chấp thuận nguồn vật liệu thép do công ty cổ phần thép Việt Đức sản xuất sử dụng cho Gói thầu EX-2, Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Based on document No. 111226.13/PMB HNHP- TKDA1 dated 26 December 2011 issued by Hanoi - Hai Phong Expressway Project Management Board (PMB HNHP) regarding acceptance of material source of steel manufactured by Vietnam - Germany JSC for Package EX-2 under Hanoi - Hai Phong Expressway Project.

Sau khi xem xét, Ban QLDAH-HP có ý kiến như sau:

Upon consideration, we, PMB HNHP have some comments as follows:

1. Thống nhất với kiến nghị của TVGS EX-2 tại văn bản số EX2/E/6.3/L880 ngày 16/01/2012 về việc đề nghị chấp thuận nguồn vật liệu thép có đường kính D10, D12, D20, D32 sản xuất bởi Công ty cổ phần thép Việt Đức do Công ty Cổ phần đầu tư tài chính và An ninh công nghệ IFT cung cấp cho Gói thầu EX-2;

We agree with the Engineer's recommendation at document No. EX2/E/6.3/L880 dated 16 January 2012 regarding acceptance of the deformed bars diameters of D10, D12, D20 and D32 manufactured by Vietnam - Germany JSC, supplied by IFT Company for Package EX-2;

2. TVGS EX-2 có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công Gói thầu EX-2 sử dụng các loại vật liệu cốt thép có gờ nêu trên theo đúng nguồn vật liệu và loại kích cỡ thanh thép đã được chấp thuận và phải đảm bảo việc tăng cường kiểm tra tần suất thường xuyên theo đúng Tiêu chuẩn kỹ thuật của Gói thầu EX-2.

The Engineer shall be responsible for strictly instructing, supervising the Contractor's use of the material of the aforesaid deformed bars in compliance with the approved source and sizes during construction period of Package EX-2 and to ensure enhancement of regular frequency check in compliance with the Technical Specifications of Package EX-2

Trân trọng!

Your faithfully,

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Nguyễn Đức Công

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTGD, Nguyễn Đức Minh (để b/c);
- Phó GD Phạm Anh Phong;
- TVGS MI- VJEC;
- Nhà thầu EX-2;
- Lưu: VT, TKDA1.

C/c:

- Construction Supervision Management Mail Office
- The Contractor



TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIETNAM INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND FINANCE INVESTMENT JSC
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
HANOI - HAIPHONG EXPRESSWAY PROJECT MANAGEMENT BOARD

8th - 10th Floors - LILAMA 10 Building - Le Van Luong Street, Trung Van, Tu Liem, Hanoi
Tel: 84-4 3771 1668 Fax: 84-4 3771 1671

Số/Ref: 120217.06/PMB HNHP- TKDA2

Ngày/Date: 17/02/2012

Kính gửi: Văn phòng Tư vấn giám sát Gói thầu EX-4 (TVGS EX-4)

To: *Construction Supervision Management Site Office of Package EX-4 (the Engineer)*

Về việc: Chấp thuận nguồn vật liệu thép sử dụng cho thi công gói thầu EX-4, Dự án đường ô tô cao tốc HN- HP.

Subject: *Acceptance of steel material sources to be used for construction works in Package EX-4 under Ha Noi - Hai Phong Expressway Project.*

Ban Quản lý dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Ban QLDA HN-HP) nhận được văn bản số EX4/E/06.3/L237 ngày 16/02/2012 của TVGS về việc đề nghị chấp thuận nguồn vật liệu thép sử dụng cho thi công gói thầu EX-4, Dự án đường cao tốc HN-HP. Sau khi xem xét, Ban QLDA HN-HP có ý kiến như sau:

We, Ha Noi - Hai Phong Expressway Project Management Board (PMB HNHP) have received document No EX4/E/06.3/L237 dated 16 February 2012 issued by the Engineer regarding request for approval of steel material sources to be used for construction works in Package EX-4 under Ha Noi - Hai Phong Expressway Project. Upon consideration, we have following comments:

-Nguồn vật liệu thép do Công ty thép Việt - Đức sản xuất, nguồn vật liệu thép do Công ty thép Việt - Ý sản xuất và nguồn vật liệu thép do Công ty Cổ phần thép Hòa Phát sản xuất đã được Ban QLDA HN-HP chấp thuận dùng cho thi công các gói thầu EX tại các văn bản số: 11213.01/PMB HNHP- TKDA 3 ngày 13/12/2011 (do Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh công nghệ IFT cung cấp); 111025.01/PMB HNHP- TKDA 3 ngày 25/10/2011 (do Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh công nghệ IFT cung cấp) và 120109.09/PMB HNHP-TKDA2 ngày 09/1/2012. Do đó, ban QLDA HN-HP không phản đối các nguồn vật liệu thép trên do Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và An ninh công nghệ IFT cung cấp để sử dụng cho thi công gói thầu EX-4, Dự án đường ô tô cao tốc HN-HP.

The deformed steel bars manufactured by Vietnam - Germany Steel JSC, the deformed steel bars manufactured by Vietnam - Italy JSC and the deformed steel bars manufactured by Hoa Phat Corporation JSC have been accepted by PMB HNHP for construction works in EX packages at documents: No. 111213.01/PMB HNHP- TKDA 3 dated 13/December 2011 (supplied by IFT Investment Finance

and Security Technology Corporation); No. 111025.01/PMB HNHP- TKDA 3 dated 25 October 2011 (supplied by IFT Investment Finance and Security Technology Corporation, No. 120109.09/PMB HNHP-TKDA2 dated 09 January 2012. Accordingly, we have no objection to the aforesaid material sources supplied by IFT Investment Finance and Security technology Corporation to be used for construction works in Package EX-4 under Ha Noi - Hai Phong Expressway Project;

- Yêu cầu TVGS kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật liệu trong quá trình thi công, đơn đốc Nhà thầu trình hợp đồng giữa Nhà thầu với Nhà cung cấp và giữa Nhà cung cấp với Nhà sản xuất, tuân thủ theo đúng các yêu cầu của hợp đồng xây lắp, đáp ứng tiến độ Gói thầu.

The Engineer is requested to closely control quality of the materials during construction, urge the Contractor to submit contracts signed by and between the Contractor and the suppliers and contracts signed by and between the supplier and the manufacturers, comply with the Civil Work Contract, satisfy the schedule of the Package.

Trân trọng./.

Your faithfully,

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR



Nguyễn Đức Công

Nơi nhận

- Như trên;
- PTGD, Nguyễn Đức Minh (để b/c);
- PGĐ. Phạm Anh Phong;
- TVGS;
- Nhà thầu EX-4;
- Lưu: VT, TKDA2.

C/c:

- Construction Supervision Management Head Office
- The Contractor of Package EX-4.



TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIETNAM INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND FINANCE INVESTMENT JSC
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
HANOI - HAIPHONG EXPRESSWAY PROJECT MANAGEMENT BOARD

8th-10th Floors - LILAMA 10 Building - LeVanLuong Extension Street - TrungVan Commune - TuLiem District - Hanoi
Tel: 84-4 3771 1668 Fax: 84-4 3771 1671

Số/ Ref: 120229.12/ PMB HNHP- TKDA3

Ngày/Date: 29/02/2012

Kính gửi: Liên danh Tư vấn Meinhardt International Pte Ltd và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nhật Việt (TVGS)

To: *Meinhardt International Pte Ltd and Vietnam - Japan Engineering Consultants Joint Operation (the Engineer)*

Về việc: Chấp thuận nguồn vật liệu thép của Công ty Cổ phần sản xuất thép Việt Đức dùng cho Gói thầu EX-8 thuộc Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Subject: *Acceptance of steel source manufactured by Vietnam Germany Steel JSC to be used for Package EX-8 under Hanoi - Hai Phong Expressway Project.*

Ban Quản lý dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Ban QLDA HN-HP) nhận được văn bản số EX8/E/06.3/L457 ngày 24/02/2012 của TVGS về việc kiến nghị chấp thuận nguồn vật liệu thép Việt Đức của Công ty cổ phần thép Việt Đức dùng cho Gói thầu EX-8 thuộc Dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Sau khi xem xét, Ban QLDA HN-HP có ý kiến như sau:

We, Ha Noi - Hai Phong Expressway Project Management Board (PMB HNHP) have received document No. EX8/E/06.3/L457 dated 24 February 2012 issued by the Engineer regarding recommendation on approval of steel source supplied by Vietnam Germany Steel JSC to be used for Package EX-8 under Ha Noi - Hai Phong Expressway Project. Upon consideration, we have following comments:

- Chấp thuận nguồn vật liệu thép do Công ty Cổ phần sản xuất thép Việt Đức sản xuất, cung cấp bởi Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và An ninh công nghệ IFT dùng cho Gói thầu EX-8 thuộc Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng như đề xuất của TVGS tại văn bản số EX-8/E/06.3/L457 ngày 24/02/2012.

We accept the steel source manufactured by Vietnam Germany Steel JSC and supplied by IFT Investment Finance and Security Technology Corporation to be used for Package EX-8 under Hanoi - Haiphong Expressway Project as the Engineer's suggestion in document No. EX8/E/06.3/L457 dated 24 February 2012.

-TVGS có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Nhà thầu thực hiện thí nghiệm thép theo đúng yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật trong quá trình thi công.

The Engineer shall be responsible for instructing, supervising the Contractor to carry out required tests for the steel in compliance with Technical Specification during construction.

Rất mong nhận được sự hợp tác của TVGS.

Your cooperation would be highly appreciated!

Trân trọng./.

Your faithfully,

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Nguyễn Đức Công

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTGD, Nguyễn Đức Minh (đề b/c);
- PGĐ, Tô Đức Quân;
- VP TVGS Gói thầu EX-8;
- Nhà thầu EX-8;
- Lưu: VT, TKDA3.

C/c:

- Construction Supervision Management Office of package EX-8
- Contractor of Package EX-8

Số/ No. HĐ: 530/11 KNIBS

BC/R.No.: 05.11.11-06

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ TÍNH THÉP CỐT BÊ TÔNG

Result of mechanical tests on steel bars

1. Nhà thầu/ Contractor KEANGNAM ENTERPRISE, LTD.- KOREA Nhà CC/ Supplier: CTY CP THƯƠNG MẠI HIỆP HƯỞNG Nhà SX/ Manufacturer: CTY CP SX THÉP VIỆT ĐỨC	2. Công trình/ Project: DỰ ÁN ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI/ NOIBAI - LAO CAI HIGHWAY PROJECT Gói thầu/ Package: Gói thầu/ Package: A5
3. Loại thép/ Type of bars: d28, d32 - vằn/ deformed bars (Mẫu do Đ/v thi công, Đ/v cấp hàng và TVGS đem đến/ Specimens were given by Contractor, Supplier and Consultant)	4. Chỉ tiêu xác định/ Specific requirements: Khối lượng đơn vị; Các chỉ tiêu cơ tính The unit mass; The mechanical properties
5. Tiêu chuẩn yêu cầu áp dụng/ According to: TCVN1651-2: 2008 (Mác/ Grade: CB400-V)	6. Ngày thí nghiệm/ Data of testing: November 05, 2011

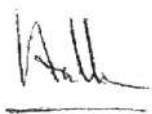
KẾT QUẢ - RESULTS

Mẫu thí nghiệm - Test pieces				Thí nghiệm kéo - Tensile test					TN. uốn - Bend test	
Cỡ, ký hiệu Size, Notation	Đ. kính thực đo Actual diameter d _{TN}	Kh. lượng đơn vị Unit mass Q/L	Diện tích danh nghĩa Nominal Cross section S _o	Lực chảy Force at yield point F _{0.2}	Ứng suất chảy Yield strength R _{0.2}	Lực bền Maximum force F _m	Ứng suất bền Tensile Strength R _m	Độ giãn dãn tương đối Percentage elongation A ₅	Đ. kính uốn; Góc uốn Bending dia.; Bending angle D _b ; α _b	Khả năng chịu uốn Bend ability
	mm	kg/m	mm ²	N	N/mm ²	N	N/mm ²	%	mm ; degree	
Spec. (CB400-V): d28		4.65 ÷ 5.03	616.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d ; 180°	-
d28 VGS	27.8	4.779	616.0	324000	526.0	408000	662.3	22.1	140 ; 180°	Đạt/ OK
				320000	519.5	416000	675.3	22.1		Đạt/ OK
				322000	522.7	420000	681.8	22.1		Đạt/ OK
Spec. (CB400-V): d32		6.06 ÷ 6.56	804.0	-	400 Min.	-	570 Min.	14 Min.	5d ; 180°	
d32 VGS	31.6	6.168	804.0	326000	405.5	518000	644.3	22.5	160 ; 180°	Đạt/ OK
				328000	408.0	520000	646.8	22.5		Đạt/ OK
				324000	403.0	520000	646.8	22.5		Đạt/ OK

Ghi chú/ Note: Mác thép CB400-V theo tiêu chuẩn hiện hành TCVN 1651-2: 2008 thay thế cho Nhóm thép CIII theo tiêu chuẩn cũ TCVN 1651- 1985/ The steel Grade CIII of the withdrawn standard TCVN 1651-1985 has been superseded by the steel Grade CB400-V of the active standard TCVN1651-2:2008.

Kết luận/ Conclusion: Khối lượng đơn vị và các chỉ tiêu cơ tính của các tổ mẫu cốt thép vằn trên đạt thép Mác CB400-V theo tiêu chuẩn TCVN 1651-2:2008/ The unit mass & the mechanical properties of the deformed steel bar samples above comply with the steel bar Grade CB400-V, according to TCVN1651-2:2008.

Hanoi, November 05, 2011

Giám sát TN Witnessed by TVGS/ Consultant	Người thí nghiệm Tested by	Phòng Hàn & Kim loại Weld & Metal dept.	Viện Chuyên ngành Kết cấu CTXD Institute of Building Structures
Nhà thầu/Contractor	 Eng. Đào Văn Thế	 Head of Dept. Dr. Thái Bá Chu	 D. Director Dr. Lê Minh Long



THÉP VIỆT - ĐỨC
ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU
VIETNAM GERMANY STEEL MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY
EUROPEAN STANDARD

TRỤ SỞ CHÍNH (Head quarter)

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam (Binh Xuyen Industrial Zone, Vinh Phuc Province, Viet Nam).
- Tel: +84 (0211) 3593 596 * Fax: +84 (0211) 3593 696
- Website: www.thepvietduc.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI (Hanoi representative office)

- Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà SIMCO, Đường Phạm Hùng, Hà Nội (7th floor, SIMCO building, Pham Hung street Ha Noi)
- Tel: +84 (024) 37848008 * Fax: +84 (024) 3784006

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG (Danang representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng (1A Road, Hoa Vang district, Da Nang).
- Tel: +84 (0236) 3814 202 * Fax: +84 (0236) 3814 202

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MIỀN NAM (Southern representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Bến Lức, Long An (1A Road, Ben Luc district, Long An province.)
- Tel: +84 (0272) 3644 199 * Fax: +84 (0272) 3644 196